

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/03/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD8+BK21+TTC1	7:25	20+0+0	0+0+0		19+0+0	0+0+0	chuyen 1 bk21-ttc1
2		PPD+p11+SAVR	7:25	13+0+6	0+0+0		0+9+5	0+0+0	
3		TD1+MRM+VSP02	9:25	2+16+0	0+0+0		0+16+3	0+0+0	
4		CLO+GTCL+TD5	9:25	12+0+9	0+0+0		7+2+9	0+0+0	
5		PVD8+TTC2	12:00	17+0	0+0		9+1	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: PVD8 - BK21 - TTC1	CREW: DUONG - SON - THANH	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/1120	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN DANH PHONG	PVD8	83	1	6			79	PVD DD	Vietnamese
2	ĐẶNG KIM SƠN	PVD8	37	1	9			66	PVDO	Vietnamese
3	BUI ANH TU	PVD8	87	1	10			70	KHOAN	Vietnamese
4	BUI TRỌNG TOÀN	PVD8	38	1	7			80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	PVD8	30-31	2	15			87	HALLIBUR	Vietnamese
6	VŨ HOANG LONG	PVD8	28	1	15			102	DMC-MI	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN THẮNG	PVD8	35	1	6			76	PVD DD	Vietnamese
8	NGUYỄN NINH GIANG	PVD8	86	1	7			94	PVD DD	Vietnamese
9	NGUYỄN BÌNH DÂN	PVD8	85	1	7			67	PVDO	Vietnamese
10	TRẦN TUẤN TRINH	PVD8	34	1	7			69	PVDO	Vietnamese
11	LÊ BA LONG	PVD8	27	1	8			61	PVDO	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN TRƯỞNG	PVD8	26	1	4			71	PVDO	Vietnamese
13	NGUYỄN THAI HỢP	PVD8	400	1	13			64	PVDO	Vietnamese
14	HOANG VAN MINH	PVD8	36,88	2	7			67	PVDO	Vietnamese
15	PHẠM MINH THẮNG	PVD8	29	1	7			72	PVDO	Vietnamese
16	LÊ TẤN TỈNH	PVD8	25	1	6			66	PVDO	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PVD8	84	1	8			67	PVDO	Vietnamese
18	LÊ VĂN PHƯƠNG	PVD8	33	1	5			71	PVDO	Vietnamese
19	NGUYỄN TRÁ VINH	PVD8	32	1	5			73	PVDO	Vietnamese
20	TRUONG TRONG TUAN DAT	PVD8	99,39	2	13			78	PVDO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	20	1.480	23	165	0	0	19		
2	BK21	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 1 PAX BK21-TTC1	
3	TTC1	0	0	0	0	2	30	0		
TOTAL		20	1.480	23	165	2	30	19		
WEIGHT KG			1.480		165		30			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO: PPD - P11 - SAVR	CREW: LINH - TTRUNG - TÚ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/1123	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	THAI TRẦN PHONG	PPD	2000	1	9	1	10	70	KHI	Vietnamese
2	NGÔ GIANG LONG	PPD	88	1	11	1	20	65	KHI	Vietnamese
3	ĐẶNG ĐÌNH LỘC	PPD	85	1	9			61	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU BAO	PPD	90	1	16			64	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN VI	PPD	86-87	2	18			66	KHI	Vietnamese
6	TÔNG VĂN ĐỨC	PPD	92-94	3	17			72	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM MINH VŨ	PPD	95	1	16			75	XAYLAP	Vietnamese
8	NGÔ TRUNG KIẾN	PPD	97	1	11			72	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH NGỌC	PPD	91	1	14	5	67	88	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG ĐỨC PHONG	PPD	96	1	17	1	8	88	XAYLAP	Vietnamese
11	CHU TIẾN DŨNG	PPD	98-99	2	11			91	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN THOAI	PPD	89	1	5			59	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN TUẤN ANH	SAVR	47-48	2	16			83	PVDWS	Vietnamese
14	ĐINH DUY LONG	SAVR	50	1	11			64	PVDWS	Vietnamese
15	NGÔ XUÂN ĐIỆN	SAVR	51-52	2	14			71	PVDWS	Vietnamese
16	CAO VĂN THĂNG	SAVR	49	1	14			69	PVDWS	Vietnamese
17	CAO TRUNG NAM	SAVR	53-54	2	15			83	PVDWS	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN TƯỜNG	SAVR	55	1	14			66	PVDWS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	12	871	16	154	8	105	0		
2	P11	0	0	0	0	2	25	9		
3	SAVR	6	436	9	84	0	0	0		
TOTAL		18	1.307	25	238	10	130	9		
WEIGHT KG			1.307		238		130			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 11/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: TD1 - MRM - VSP02	CREW: DUONG - SON - THANH	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/1121	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TONG VAN THE	TD1	16	1	11	4	75	80	SCHLUMBE	Vietnamese
2	AZROY BIN MOHD SAAD	TD1	14-15	2	20			90	SCHLUMBE	Malaysian
3	NGUYEN MANH HOAN	MRM	73	1	5			58	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN SY TUAN	MRM	76	1	17			71	DVL	Vietnamese
5	TRAN QUOC HUONG	MRM	71	1	11			94	DVL	Vietnamese
6	LUONG MANH HAI	MRM	77	1	17			78	DVL	Vietnamese
7	PHAM TUNG VY	MRM	78-79	2	17			65	DVL	Vietnamese
8	DUONG THE DUC	MRM	80	1	12	1	17	78	DVL	Vietnamese
9	VU MANH NAM	MRM	75	1	12			75	DVL	Vietnamese
10	LE DINH DONG	MRM	74	1	14			73	DVL	Vietnamese
11	SMIRNOV VIKTOR	MRM	83	1	6			92	AMHFP	Russian
12	BAGAUTDINOV RENAT	MRM	90-91	2	20	1	18	71	AMHFP	Russian
13	ZINNATULLIN FAZYL	MRM	95	1	16	2	80	94	AMHFP	Russian
14	VU DINH TUAN	MRM	82	1	8			74	AMHFP	Vietnamese
15	HA DUC THANH	MRM	84	1	10			65	AMHFP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN DUNG	MRM	72	1	10			71	AMHFP	Vietnamese
17	ANOSOV VLADIMIR	MRM	88-89	2	11			88	AMHFP	Russian
18	GRITSENKO VLADIMIR	MRM	85-87	3	20			81	AMHFP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	2	170	3	31	4	75	0		
2	MRM	16	1.228	21	206	4	115	16		
3	VSP02	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		18	1.398	24	237	8	190	19		
WEIGHT KG			1.398		237		190			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI THU HUONG

CREW

BUI HOANG DUONG
PHAM THAI SON





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: CLO - GTC1 - TD5	CREW: LINH - TTRUNG - TÚ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4	VNHS FLIGHT: TM26/1124		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN HUNG LONG	CLO	69	1	13			61	XAYLAP	Vietnamese
2	PHÙNG QUỐC VIỆT	CLO	62	1	15			78	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG MINH HAI	CLO	57	1	11			61	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN QUANG KHU	CLO	66	1	15			68	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN LUYEN	CLO	53-54	2	17			72	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC TUẤN	CLO	67-68	2	9			63	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN SỸ TÍNH	CLO	60-61	2	16			60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH HÙNG	CLO	52	1	16			73	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN BA QUY	CLO	55-56	2	20			72	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	CLO	58-59	2	17			59	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐẠO VĂN KHÔI	CLO	64	1	14	1	11	55	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC THIÊN	CLO	63	1	12			69	XAYLAP	Vietnamese
13	LƯƠNG MINH KIẾN	TD5	68	1	15			66	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ ANH NGỌC	TD5	64-65	2	15			56	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH KHANH	TD5	58-59	2	16			56	XAYLAP	Vietnamese
16	VŨ VĂN QUYÊN	TD5	61	1	15			62	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI CÔNG HÙNG	TD5	69-70	2	15			65	XAYLAP	Vietnamese
18	CAO VĂN HUYỀN	TD5	60	1	14			80	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH NAM	TD5	66-67	2	12			53	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAN THANH NGHIỆM	TD5	62	1	10	1	15	64	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN NAM	TD5	56	1	10	1	12	67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	12	791	17	175	1	11	7		
2	GTC1	0	0	0	0	0	0	2		
3	TD5	9	569	13	122	2	27	9		
TOTAL		21	1.360	30	297	3	38	18		
WEIGHT KG			1.360		297		38			

GRAND TOAL: 1.695 KGS

VSP REP.

[Signature]
NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

[Signature]
ĐẶNG THÚY ANH

CREW

[Signature]
NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: TRANG-3	TO: PVD8 - TTC2	CREW: DUONG - N.CUONG - VU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/1122	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN HUU THANH	PVD8	49	1	8			59	PSV	Vietnamese
2	DOAN THANH TRUONG	PVD8	44	1	4			49	PSV	Vietnamese
3	LE VAN TUNG	PVD8	43	1	5			60	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN DUC TIEN	PVD8	55	1	9			63	PVDO	Vietnamese
5	ĐAM NGOC TUAN ANH	PVD8	54	1	8	1	14	67	PVDO	Vietnamese
6	TRẦN DUY LINH	PVD8	52-53	2	8			80	PVDO	Vietnamese
7	PHẠM HỒNG QUY	PVD8	50	1	10	3	51	72	DVL	Vietnamese
8	LE MINH HOANG	PVD8	51	1	16			84	PVDWS	Vietnamese
9	CU THANH NHAN	PVD8	58	1	4			67	PVDO	Vietnamese
10	LUONG THE HIEN	PVD8	41	1	5	1	20	69	NIPI	Vietnamese
11	LE NGOC ANH	PVD8	40	1	5			76	GETRACO	Vietnamese
12	NGUYEN TUAN KHANH	PVD8	62-63	2	18	1	10	75	NHATHAU	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC HUNG	PVD8	59	1	6	2	24	104	NHATHAU	Vietnamese
14	NGUYEN HUU TUYEN	PVD8	64	1	6	2	23	60	NHATHAU	Vietnamese
15	DUONG NHAT TOAN	PVD8	56-57	2	13	2	15	69	NHATHAU	Vietnamese
16	DANNY KOOLE	PVD8	45-46	2	17			120	ADC ENER	Netherlander
17	ANDREW FREDERICK DRYSDALE	PVD8	47-48	2	15			99	ADC ENER	British

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	17	1.273	22	157	12	157	9		
2	TTC2	0	0	0	0	2	33	1		
TOTAL		17	1.273	22	157	14	190	10		
WEIGHT KG			1.273		157		190			

GRAND TOAL: 1.620 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

BUI HOANG DUONG

PHAN NHU CUONG